TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HS-ST
Ngày 01-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Trịnh;

2. Bà Lê Thị Hằng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Trúc Giang, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lưu Thạch P, sinh năm 1994, tại tỉnh Bình Thuận; Nơi thường trú: Khu phố F, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Nơi tạm trú: Khu phố A, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Minh T và bà Trần Thị Thu H; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/4/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn H1, Luật sư Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh B; có mặt

2. Huỳnh Đức Trung N, sinh năm 2002, tại tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: Khu phố F, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không;

Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Đức T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mỹ Á; Có vợ, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/8/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông Phạm Viết D, Luật sư Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh B; có mặt

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Lê Công T2, sinh năm 1993. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. có mặt

+ Bà Trì Thanh Anh T3, sinh năm 2000, địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. vắng mặt

+ Ông Trương Thanh B, sinh năm 1992, địa chỉ: Khu phố F, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 08/8/2022, Lưu Thạch P (sinh năm 1994, nơi thường trú: khu phố F, phường P, thành phố P; nơi ở hiện tại: khu phố A, phường T, thành phố P) gặp anh Nguyễn Lê Công T2 (sinh năm 1993, trú tại khu phố A, phường P, thành phố P) tại cơ sở kinh doanh cho thuê xe trên đường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận để thuê xe ô tô hiệu Kia Sorento biển số 86A - 173.46 sử dụng đi lại với giá 800.000 đồng/01 ngày (không xác định thời hạn thuê), theo thỏa thuận thì 10 ngày P đóng tiền thuê xe một lần. Khi cho thuê xe anh T2 giao cho P giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Kia Sorento biển số 86A - 173.46 mang tên Trương Thanh B (sinh năm 1992, địa chỉ D đường H, khu phố F, phường L, thành phố P). Trong quá trình sử dụng xe, do làm ăn thua lỗ nên P nảy sinh ý định cầm cố xe ô tô biển số 86A – 173.46 để lấy tiền giải quyết công việc cá nhân. Để thực hiện hành vi trên, P lên mạng internet tìm kiếm dịch vụ làm giả giấy tờ thì biết một người tên H2 (không rõ nhân thân), P gọi qua ứng dụng Zalo nhờ làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thì H2 đồng ý. P đưa hình ảnh của mình cho H2 và chụp hình giấy chứng nhận xe ô tô mang tên Trương Thanh B gửi qua ứng dụng Zalo cho H2 và đặt H2 làm giấy chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe ô tô biển số 86A - 173.46 giả mang tên Trương Thanh B, nhưng gắn hình của

P vào. Khoảng vài ngày sau, H2 gửi giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe ô tô biển số 86A -173.46 giả mang tên Trương Thanh B về cho P. Ngày 16/11/2022, P điều khiển xe ô tô biển số 86A - 173.46 đến tiệm C do ông Nguyễn Minh Đ (sinh năm 1969, trú tại thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa) làm chủ. Tại đây, P nói mình là chủ xe muốn cầm cố xe ô tô biển số 86A – 173.46 rồi đưa giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe ô tô biển số 86A – 173.46 giả đều mang tên Trương Thanh B cho ông Đ xem. Sau khi kiểm tra, ông Đ thấy thông tin trùng khớp nên đồng ý cầm cố xe ô tô biển số 86A - 173.46 với số tiền là 550.000.000 đồng. Ông Đ làm hợp đồng cầm cố xe ô tô và ghi thông tin vào sổ theo dõi cho P ký tên. Sau khi, P ký tên Trương Thanh B vào hợp đồng và sổ theo dõi thì ông Đ đưa cho P số tiền 550.000.000 đồng và giữ lại xe ô tô cùng giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe ô tô biển số 86A - 173.46 giả mang tên Trương Thanh B. P đã dùng tiền giải quyết công việc cá nhân và vẫn đóng tiền thuê xe cho anh T2 như thỏa thuận, nên anh T2 không biết P đã chiếm đoạt xe ô tô.

Đến ngày 06/3/2023, Lưu Thạch P tiếp tục đến gặp anh Nguyễn Lê Công T2 tại cơ sở kinh doanh cho thuê xe trên đường L, thành phố P và thuê xe ô tô hiệu ô tô Huyndai Tucson biển số 93A - 204.85 để sử dụng đi lại với giá 800.000đồng/01 ngày (thời hạn thuê từ ngày 06/3/2023 đến ngày. 04/4/2023). Trong quá trình sử dụng xe ô tô đi lại, do cần tiền để giải quyết nợ cá nhân nên P nảy sinh ý định đem xe ô tô biển số 93A - 204.85 đi cầm cố tại tiệm C để lấy tiền. Do P đang giả danh Trương Thanh B để cầm cố xe ô tô biển số 93A - 204.85 nên P hỏi bạn là Huỳnh Đức Trung N (sinh ngày 13/10/2002, trú tại: khu phố F, phường P, thành phố P) có hình thẻ (3 x 4) của N không gửi cho P. Nguyên không biết Phi cần ảnh để làm gì nhưng vẫn đồng ý và gửi hình cho P qua ứng dụng Zalo. Sau khi có được hình ảnh của N, P tiếp tục liên hệ với H2 (không rõ nhân thân) để làm giả giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe ô tô biển số 93A - 204.85 mang tên Huỳnh Đức Trung N thì H2 đồng ý. Phi gửi hình ảnh của N và thông tin xe ô tô hiệu ô tô Huyndai Tucson biển số 93A - 204.85 cho H2. Khoảng hai ngày sau H2 gửi giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe ôtô biển số 93A – 204.85 giả mang tên Huỳnh Đức Trung N cho P. Ngày 10/3/2023, P điều khiển xe ô tô biển số 93A - 204.85 chở N đi thành phố N, tỉnh Khánh Hòa chơi. Khi ra tới tỉnh Khánh Hòa, P điều khiển ô tô biển số 93A - 204.85 đến tiệm C. Tại đây, P đi vào trước gặp ông Đ nói có đứa em muốn cầm xe ô tô thì ông Đ đồng ý. Sau đó, P đi ra nói với N nhờ N cầm thế xe ô tô biển số 93A - 204.85 đồng thời đưa cho N giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe ô tô biển số 93A - 204.85 giả mang tên Huỳnh Đức Trung N. Lúc này N biết được việc P xin hình ảnh (3 x 4) của N để làm giấy tờ giả, nhưng vì P đã nhiều lần giúp đỡ N nên N đồng ý. N cầm giấy chứng minh nhân dân

và giấy đăng ký xe ô tô biển số 93A 204.85 giả mang tên Huỳnh Đức Trung N đi vào gặp ông Đ và nói dối mình là chủ xe ô tô và muốn cầm cố xe ô tô biển số 93A – 204.85. Nguyên đưa cho ông Đ giấy chứng minh nhân dân giả và giấy đăng ký xe ô tô biển số 93A - 204.85 giả mang tên Huỳnh Đức Trung N. Ông Đ kiểm tra xe ô tô và xem giấy tờ do N đưa thì thấy thông tin trùng khớp nên đã đồng ý cầm cố xe ô tô biển số 93A - 204.85 với số tiền 450.000.000 đồng. Ông Đ làm hợp đồng cầm cố và ghi sổ theo dõi cầm cố xe cho N ký tên vào. Sau khi N ký tên Huỳnh Đức Trung N vào hợp đồng và sổ theo dõi thì ông Đ đưa cho N số tiền 450.000.000 đồng và giữ lại xe ô tô cùng giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe ô tô biển số 93A - 204.85 giả mang tên Huỳnh Đức Trung N. Sau khi nhận tiền N đưa toàn bộ số tiền này cho P và P đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 04/4/2023 khi hết hạn hợp đồng thuê xe nhưng không thấy P trả xe ô tô nên anh T2 đã gọi điện thoại cho P yêu cầu trả lại hai xe ô tô đã thuê trước đó thì P hẹn ngày 07/4/2023 sẽ trả. Ngày 07/4/2023, P hẹn gặp anh T2 và thừa nhận do cần tiền nên đã cầm cố hai xe ô tô nêu trên. Anh T2 đã tố cáo hành vi của P đến cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 giấy chứng minh nhân dân số 261220257 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 86 002069 biển số đăng ký 86A -173.46 tên mang Trương Thanh Bnh Bảo.

+ 01 giấy chứng minh nhân dân số 285346548 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034336 biển số đăng ký 93A – 204.85 tên mang Huỳnh Đức Trung N.

+ 01 xe ô tô hiệu Kia Sorento màu trắng, biển số 86A 173.46, số máy D4HBKH007652, số khung RNYXH52A6MC202684, năm sản xuất 2021.

+ 01 xe ô tô hiệu Huyndai Tucson màu trắng, biển số 93A - 204.85 số máy D4HAKU056105 số khung RLUC9W14BLN018348, năm sản xuất 2020.

Tất cả đồ vật trên được tạm giữ từ ông Nguyễn Minh Đ.

Tại Kết luận giám định số 648/KL - KTHS ngày 12/6/2023 của Phòng K - Công an tỉnh B kết luận:

+ Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 034336 là giả,

+ Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 86 002069 là giả.

+ Chứng minh nhân dân số: 285346548 là giả.

+ Chứng minh nhân dân số: 261220257 là giả.

Tại Kết luận giám định số 07/SGTVT - KLGĐ ngày 09/4/2024 của Sở Giao thông vận tải - tỉnh B kết luận:

+ Xe ô tô biển số 864 – 173.46 chất lượng còn lại của xe: 60%;

+ Xe ô tô biển số 93A – 204.85 chất lượng còn lại của xe: 60%.

Tại Kết luận định giá tài sản số 62/KL – HĐĐGTS ngày 10/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P kết luận:

+ Xe ô tô biển số 86A – 173.46, tại thời điểm ngày 16/11/2022 có giá trị 527.400.000 đồng.

+ Xe ô tô biển số 93A – 204.85, tại thời điểm ngày 10/3/2023 có giá trị 554.800.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 936/KL - KTHS ngày 05/8/2024 của Phòng K kết luận: Chữ ký và chữ viết mang tên Huỳnh Đức Trung N tại mục "Khách hàng kí tên" trên tài liệu cần giám định Ai, dòng thứ 6 từ trên xuống của tờ thứ 20 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Huỳnh Đức Trung N trên các tài liệu so sách ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký, viết ra.

Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định, xe ô tô biển số 93A - 204.85 do chị Trì Thanh Anh T3 (sinh năm 2000, trú tại ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước) đứng tên chủ sở hữu và xe ô tô biển số 86A - 173.46 do anh Trương Thanh B (sinh năm 1992, trú tại khu phố F, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận) đứng tên chủ sở hữu. Chị T3 và anh B giao xe ô tô cho anh Nguyễn Lê Công T2 làm dịch vụ cho thuê xe tự lái. Ngày 10/7/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại hai xe ô tô nói trên cho chị T3, anh B. Sau khi nhận lại tài sản chị Trì Thanh Anh T3 và anh Trương Thanh B không có yêu cầu gì về dân sự.

Về dân sự: Quá trình điều tra Lưu Thạch P và Huỳnh Đức Trung N đã bồi thường khắc phục hậu quả cho ông Nguyễn Minh Đ số tiền 400.000.000 đồng, còn lại 600.000.000 đồng ông Đ và gia đình bị cáo Lưu Thạch P đã thỏa thuận tiếp tục khắc phục. Ông Đ đã có đơn bãi nại dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Hiện nay ông Nguyễn Minh Đ, anh Nguyễn Lê Công T2, chị Trì Thanh Anh T3 và anh Trương Thanh B không có yêu cầu gì về dân sự.

Huỳnh Đức Trung N đã nộp số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho ông Nguyễn Minh Đ.

Tại Bản cáo trạng số 33/CT-VKSBT-P1 ngày 02/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo Lưu Thạch P và Huỳnh Đức Trung N về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* và "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại khoản 4 Điều 175 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

+ Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lưu Thạch P và Huỳnh Đức Trung N phạm tội *"*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng khoản 4 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lưu Thạch P từ 08 (tám) năm tù đến 09 (chín) năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lưu Thạch P từ 03 (ba) năm tù đến 04 (bốn) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Lưu Thạch P chấp hành hình phạt tù chung của hai tội từ 11 (mười một) năm đến 13 (mười ba)năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/4/2024.

Áp dụng khoản 4 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Huỳnh Đức Trung N từ 05 (năm) năm tù đến 06 (sáu) năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Huỳnh Đức Trung N từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Huỳnh Đức Trung N chấp hành hình phạt tù chung của hai tội từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/8/2024.

- Về trách nhiệm dân sự:

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục bồi thường cho ông Nguyễn Minh Đ.

+ Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

+ Người bào chữa cho các bị cáo: Thống nhất với tội danh Viện kiểm sát truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của

khung hình phạt bị cáo bị truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Lưu Thạch P và bị cáo Huỳnh Đức Trung N khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố; lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Lần thứ nhất: Vào ngày 08/8/2022, Lưu Thạch P đến cơ sở kinh doanh cho thuê xe trên đường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận của anh Nguyễn Lê Công T2 và thuê xe ô tô hiệu Kia Sorento biển số 86A – 173.46 trị giá 527.400.000 đồng sử dụng đi lại với giá 800.000 đồng /01 ngày (không xác định thời hạn thuê). Trong quá trình sử dụng, do làm ăn thua lỗ nên P nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản để trả nợ và tiêu xài cá nhân, P lên mạng internet tìm kiếm và liên hệ một người tên H2 (không rõ nhân thân) đặt làm giả giấy chứng minh nhân và giấy đăng ký xe ô tô biển số 86A – 173.46 mang tên Trương Thanh B có gắn hình của P vào. Sau khi có giấy tờ giả, ngày 16/11/2022, P đem xe ô tô biển số 86A – 173.46 đến thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa gặp ông Nguyễn Minh Đ và sử dụng giấy tờ giả cầm cố xe ô tô biển số 86A – 173.46 cho ông Đ lấy số tiền là 550.000.000 đồng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Ngày 06/3/2023, Lưu Thạch P tiếp tục thuê của anh Nguyễn Lê Công T2 xe ô tô hiệu Huyndai Tucson biển số 93A – 204.85 trị giá 554.800.000 đồng để sử dụng đi lại với giá 800.000 đồng /01 ngày (thời hạn thuê từ ngày 06/3/2023 đến ngày 04/4/2023). Sau khi thuê được xe ô tô, do cần tiền để giải quyết nợ cá nhân nên P nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản để trả nợ và tiêu xài cá nhân, P sử dụng hình thẻ của bạn là Huỳnh Đức Trung N và tiếp tục liên hệ với H2 (không rõ nhân thân) đặt làm giả giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe ô tô biển số 93A – 204.85 mang tên Huỳnh Đức Trung N. Sau khi nhận được giấy tờ giả, ngày 10/3/2023, P rủ N cùng đi ra thành phố N, tỉnh Khánh Hòa chơi. P điều khiển ô tô biển số 93A – 204.85 đến tiệm cầm đồ của Nguyễn Minh Đ để cầm cố xe. Tại đây, P đã nhờ N cầm cố xe ô tô biển số

93A – 204.85 đồng thời đưa cho N giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe ô tô biển số 93A – 204.85 giả mang tên Huỳnh Đức Trung N. Lúc này, N biết đây là các giấy tờ giả, nhưng N vẫn đồng ý giúp P nên N sử dụng giấy chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe ô tô biển số 93A – 204.85 giả để cầm cố ô tô biển số 93A – 204.85 cho ông Đ lấy số tiền 450.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, N đưa hết cho P, P đã trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Như vậy, hành vi của Lưu Thạch P và Huỳnh Đức Trung N đã cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại khoản 4 Điều 175, điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tài sản chiếm đoạt là 02 xe ô tô đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu; Các bị cáo đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Đ; Ông Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lưu Thạch P 02 lần thực hiện hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại; Xâm phạm trật tự quản lý hành chính được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm nhưng tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Lưu Thạch P là người giữ vai trò chính; Bị cáo Huỳnh Đức Trung N giữ vai trò thứ yếu, không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội nên bị cáo Lưu Thạch P phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo Huỳnh Đức Trung N. Các bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu; nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị cáo phải chịu. Đồng thời buộc các bị cáo phải chịu hình phạt tổng

hợp chung của nhiều tội theo Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[6] Về xử lý vật chứng:

- Xe ô tô biển số 93A - 204.85 và xe ô tô biển số 86A - 173.46: Ngày 10/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại hai xe ô tô cho chị Trì Thanh Anh T3, anh Trương Thanh B nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 034336; 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 86 002069; 01 Chứng minh nhân dân số: 285346548; 01 Chứng minh nhân dân số: 261220257, là các tài liệu giả nhưng lưu trữ tại hồ sơ làm căn cứ chứng minh tội phạm nên không tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Nguyễn Lê Công T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thanh B, bà Trì Thanh Anh T3 không có yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Đ đã nhận số tiền bồi thường 400.000.000 đồng của bị cáo Lưu Thạch P và bị cáo Huỳnh Đức Trung N (bị cáo P là 350.000.000 đồng, bị cáo N là 50.000.000 đồng); Số tiền còn lại 600.000.000 đồng ông Đ và gia đình bị cáo Lưu Thạch P đã tự thỏa thuận bồi thường theo "giấy thỏa thuận cam kết trả nợ ngày 18/6/2024". Ông Đ không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, gia đình bị cáo Huỳnh Đức Trung N tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục thiệt hại cho ông Nguyễn Minh Đ, nên tiếp tục tạm giữ để bồi thường cho ông Nguyễn Minh Đ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 4 Điều 175; Điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Lưu Thạch P và Huỳnh Đức Trung N phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

2. Căn cứ khoản 4 Điều 175; Điều 17; Điều 38; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Lưu Thạch P 08 (tám) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 17; Điều 38; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Lưu Thạch P 03 (ba) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Lưu Thạch P phải chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28 tháng 4 năm 2024.

3. Căn cứ khoản 4 Điều 175; Điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 17; Điều 38; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Khoản 1 Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Đức Trung N 05 (năm) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Đức Trung N 02 (hai) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Huỳnh Đức Trung N phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 8 năm 2024.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai số 0000146 ngày 14/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận để bồi thường cho ông Nguyễn Minh Đ.

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lưu Thạch P và Huỳnh Đức Trung N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận**:*
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Phòng PC 01, 02 - Công an tỉnh;
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức Hùng